

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/7/2023

“*V/v tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phương Văn Chính.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Bích Vân.

2. Bà Ngô Thị Út Hậu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Như Ng – Thư ký tòa án.

Trong ngày 10 tháng 7 N 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 N 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 N 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Lê Thị Thùy L**, sinh N 1983 (có mặt).

Địa chỉ: khu vực TQ, phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: ông **Đào Văn Bé N**, sinh N 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực TQ, phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lê Thị Thùy L trình bày:* Vào N 2008 bà và ông Đào Văn Bé N được cha mẹ hai bên tác hợp cho ông bà tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông N hạnh phúc được một thời gian thì gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường bất đồng về tình cảm thường cãi vã nhau, bà đã cố hàn gắn hạnh phúc vợ chồng để mong tìm lại tiếng nói chung nhưng cuối cùng sự rạn nứt của hai người càng trầm trọng hơn.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đào Văn Bé N.

Về con chung: có 02 người con chung tên Đào Lê Ánh Ng (nữ), sinh ngày 24/8/2009 và Đào Lê Đăng Kh (nam), sinh ngày 13/4/2016. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đào Văn Bé N đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không rõ lý do.*

*Tại phiên tòa, bà Lê Thị Thùy L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* bà Lê Thị Thùy L và ông Đào Văn Bé N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên bà L khởi kiện ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* ông Đào Văn Bé N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân:* bà Lê Thị Thùy L và ông Đào Văn Bé N chung sống với nhau vào N 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trường Lạc, quận Ô Môn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn. Bà L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường bất hòa và thường xuyên cãi vã nhau nên vợ chồng đã ly thân hơn 06 tháng nay. Đến nay bà xác định đã không còn tình cảm với ông N nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông N đã được triệu tập nhiều lần hòa giải để động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng ông N cố tình vắng mặt không rõ lý do. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thùy L.

[4] *Về con chung:* Có 02 người con tên Đào Lê Ánh Ng (nữ), sinh ngày 24/8/2009 và Đào Lê Đăng Kh (nam), sinh ngày 13/4/2016. Bà L yêu cầu được nuôi 02 người con chung đến trưởng thành. Đồng thời, theo nguyện vọng của cháu Ng và cháu Kh xin được chung sống với bà L. Do đó, để ổn định cho các cháu có cuộc sống bình thường thiết nghĩ cần phải chấp nhận yêu cầu của bà L là phù hợp.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở ông N thực hiện quyền này.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: không có, không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: không có, không xem xét.

Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[7] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình N 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thùy L.

- Về hôn nhân: bà Lê Thị Thùy L được ly hôn với ông Đào Văn Bé N.

- Về con chung: giao cháu Đào Lê Ánh Ng (nữ), sinh ngày 24/8/2009 và Đào Lê Đăng Kh (nam), sinh ngày 13/4/2016 cho bà Lê Thị Thùy L nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông Đào Văn Bé N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đào Văn Bé N không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

*Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: bà Lê Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003969 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (công nhận bà L đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Út Hậu**

**Phạm Thị Bích Vân**

**Phương Văn Chính**

***Nơi nhận:***

- VKSND Q.Ô Môn;
- Đường sự;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND (nơi đkkh);
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phương Văn Chính**